

Số: /2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định
trong lĩnh vực đề điều và phòng, chống thiên tai**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Đề điều năm 2006;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai năm 2013;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai
và Luật Đề điều năm 2020;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông
nghiệp và môi trường năm 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của
Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy
nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của
Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp
trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy
định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;*

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

*Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị
định trong lĩnh vực đề điều và phòng, chống thiên tai.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 66/2021/NĐ-CP
ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số
điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều
của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đề điều**

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 như sau:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai, bao gồm: Trách nhiệm truyền tin, tần suất, thời lượng phát tin, mạng lưới, trang thiết bị thông tin phục vụ hoạt động chỉ đạo, chỉ huy ứng phó thiên tai; phân công, phân cấp trách nhiệm và phối hợp trong ứng phó thiên tai; tình huống khẩn cấp về thiên tai, các loại dự án khẩn cấp phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai; hoạt động khắc phục hậu quả thiên tai; huy động, quyên góp và phân bổ nguồn lực cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế tham gia hoạt động ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai tại Việt Nam; *chế độ, chính sách đối với lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã.*”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 7 như sau:

“1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm trực tiếp chỉ huy, huy động nguồn lực tại chỗ để ứng phó kịp thời ngay khi thiên tai xảy ra; hỗ trợ công tác ứng phó khi có đề nghị của các địa phương lân cận; *có trách nhiệm trực tiếp chỉ huy và huy động nguồn lực theo thẩm quyền để ứng phó thiên tai khi nhận được yêu cầu trợ giúp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã khác và chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;* báo cáo và chịu trách nhiệm thực hiện chỉ đạo, chỉ huy của các cơ quan phòng, chống thiên tai cấp trên; đồng thời được quyền huy động các nguồn lực sau để ứng phó thiên tai:

a) Lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã;

b) Lực lượng quân đội, công an, dân quân tự vệ, thanh niên, các tổ chức, cá nhân trên địa bàn và các tổ chức, cá nhân tình nguyện theo quy định của pháp luật;

c) Vật tư dự trữ do nhân dân chuẩn bị; vật tư, trang thiết bị, phương tiện của cấp xã và *các* tổ chức, cá nhân hoạt động trên địa bàn.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 8 như sau:

“3. *Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã* tổ chức thực hiện nhiệm vụ quy định tại Điều 7; tuân thủ sự chỉ huy của cơ quan cấp trên; hướng dẫn và tổ chức sơ tán người đến nơi an toàn; *quyết định tổ chức cưỡng chế sơ tán trường hợp tổ chức, cá nhân không tự giác chấp hành chỉ đạo, chỉ huy, hướng dẫn sơ tán phòng, tránh thiên tai vì mục đích an toàn cho người.*”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 9 như sau:

“5. *Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã* thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định này phù hợp với tình huống cụ thể tại địa phương; tuân thủ sự chỉ đạo, chỉ huy của cơ quan cấp trên.”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 10 như sau:

“6. *Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã* thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định này phù hợp với tình huống cụ thể tại địa phương; tuân thủ sự chỉ đạo, chỉ huy của cơ quan cấp trên.”.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 12 như sau:

“1. Tình huống khẩn cấp về thiên tai là các tình huống thiên tai đã hoặc đang xảy ra đã gây ảnh hưởng hoặc có nguy cơ đe dọa trực tiếp đến an toàn tính mạng, sức khỏe, nhà ở của nhiều người dân và các công trình đô điều, hồ đập, công trình phòng, chống thiên tai, **mất đất, mất rừng ngập mặn ven biển**, công trình hạ tầng quan trọng đang sử dụng như sân bay, đường sắt, đường cao tốc, quốc lộ, tỉnh lộ, bến cảng quốc gia, hệ thống lưới cao thế từ 66KV trở lên, các khu di tích lịch sử cấp quốc gia, trường học, **bệnh viện, trụ sở các cơ quan**, các khu kinh tế, khu công nghiệp, cần tổ chức triển khai ngay các biện pháp ứng phó khẩn cấp để kịp thời ngăn chặn hậu quả và khắc phục nhanh hậu quả, được công bố bằng quyết định của người có thẩm quyền.”.

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 13 như sau:

“2. Dự án khẩn cấp phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai **được áp dụng hình thức chỉ định thầu để lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Điều 23 Luật Đấu thầu và điểm b, điểm k khoản 1 Điều 78 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu và được điều chỉnh tương ứng khi pháp luật về đấu thầu điều chỉnh.**”.

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 17 như sau:

“1. Trách nhiệm, thẩm quyền phân bổ nguồn lực tài chính

a) Ủy ban nhân dân các cấp căn cứ đề xuất của Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cùng cấp quyết định sử dụng dự phòng ngân sách địa phương, quỹ dự trữ tài chính, quỹ phòng, chống thiên tai và các nguồn tài chính hợp pháp khác của địa phương để khắc phục hậu quả thiên tai đảm bảo kịp thời, đúng đối tượng và hiệu quả.

Trường hợp vượt quá khả năng cân đối của địa phương, **Ủy ban nhân dân cấp xã** đề xuất nhu cầu, báo cáo Ban chỉ huy phòng thủ dân sự **cấp tỉnh**, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo **Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia, Bộ Tài chính** để tổng hợp, xem xét trình Thủ tướng Chính phủ quyết định;

b) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ căn cứ đề xuất của **Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự** bố trí, phân bổ nguồn lực trong phạm vi chức năng, quyền hạn để khắc phục hậu quả thiên tai thuộc phạm vi quản lý và hỗ trợ các địa phương theo thẩm quyền; trường hợp quá khả năng, báo cáo **Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia, Bộ Tài chính** để tổng hợp, xem xét trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

2. Quy trình huy động và sử dụng ngân sách địa phương:

a) Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự các cấp chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân

dân cùng cấp quyết định sử dụng ngân sách cấp mình để ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai;

b) Trường hợp thiệt hại lớn, vượt quá khả năng cân đối của ngân sách địa phương, sau khi sử dụng ngân sách cấp mình để ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu, **Ủy ban nhân dân cấp xã** báo cáo Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự **cấp tỉnh** chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp, báo cáo **Ủy ban nhân dân cấp tỉnh** xem xét, quyết định bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới;

c) Căn cứ Quyết định hỗ trợ kinh phí để khắc phục hậu quả thiên tai của **Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp xã** có trách nhiệm tham mưu, đề xuất **Ủy ban nhân dân cấp xã** phân bổ kịp thời để triển khai thực hiện, thời hạn chậm nhất 20 ngày kể từ ngày có quyết định hỗ trợ; định kỳ hàng quý báo cáo kết quả thực hiện về **Ban chỉ huy phòng thủ dân sự cấp tỉnh** trước ngày 20 tháng cuối quý để tổng hợp báo cáo;

d) **Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự** các cấp có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện, đề xuất Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét thu hồi, điều chuyển kinh phí hỗ trợ và xử lý các trường hợp sử dụng sai mục đích, đối tượng hoặc để chậm trễ, gây lãng phí, kém hiệu quả.

3. Quy trình huy động và triển khai nguồn hỗ trợ từ ngân sách trung ương:

a) Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chủ động sử dụng dự toán kinh phí được giao hằng năm; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chủ động sử dụng nguồn lực của địa phương để ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai. Trường hợp thiệt hại lớn, vượt quá khả năng cân đối, sau khi sử dụng kinh phí được giao, ngân sách địa phương để ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia, **Bộ Tài chính** và chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác của nội dung, số liệu báo cáo;

b) **Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định hỗ trợ từ nguồn dự phòng ngân sách trung ương. Ban Chỉ đạo phòng thủ dân sự quốc gia chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định hỗ trợ từ các nguồn khác.**

c) Căn cứ Quyết định hỗ trợ kinh phí để khắc phục hậu quả thiên tai của Thủ tướng Chính phủ, **Ban chỉ huy phòng thủ dân sự** các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các địa phương có trách nhiệm tham mưu, đề xuất Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ kịp thời để triển khai thực hiện, thời hạn chậm nhất 30 ngày kể

từ ngày có quyết định của Thủ tướng Chính phủ; định kỳ hàng quý báo cáo kết quả thực hiện về **Ban Chỉ đạo phòng thủ dân sự quốc gia, Bộ Tài chính** trước ngày 25 tháng cuối quý để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ;

d) Ban Chỉ đạo phòng thủ dân sự quốc gia, **Bộ Tài chính** có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai nguồn lực được hỗ trợ của các bộ, ngành, **địa phương**.

4. Quy trình huy động và triển khai hỗ trợ từ quỹ dự trữ tài chính

a) **Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp tỉnh** tổng hợp nhu cầu hỗ trợ các hoạt động khắc phục hậu quả thiên tai báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định hỗ trợ từ quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh theo **quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước**;

b) **Bộ Tài chính** tổng hợp nhu cầu hỗ trợ các hoạt động khắc phục hậu quả thiên tai từ các bộ, ngành, địa phương báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định hỗ trợ từ quỹ dự trữ tài chính Trung ương theo **quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước**.”.

9. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 19 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 19 như sau:

“2. **Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự** cấp xã huy động lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai và các lực lượng tại chỗ rà soát, xác định số hộ cần di dời khẩn cấp.

Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp xã tổng hợp về số hộ cần di dời khẩn cấp và nhu cầu hỗ trợ di dời, báo cáo **Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã**. Căn cứ quy định Luật Đất đai, Luật Trưng mua, trưng dụng tài sản và các quy định hiện hành, **Ủy ban nhân dân cấp xã** giao đất, bố trí chỗ ở cho các hộ dân cần di dời; quyết định huy động kinh phí, lực lượng, trang thiết bị, vật tư và các tổ chức, cá nhân liên quan theo thẩm quyền để triển khai thực hiện. Trường hợp vượt quá khả năng, **Ủy ban nhân dân cấp xã** báo cáo, đề xuất **Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp tỉnh**.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 19 như sau:

“4. Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp tỉnh tổng hợp nhu cầu **cấp xã**, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Căn cứ quy định Luật Đất đai, Luật Trưng mua trưng dụng **tài sản** và các quy định hiện hành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao đất, bố trí nơi ở cho các hộ dân cần di dời; quyết định huy động kinh phí, lực lượng, trang thiết bị, vật tư và các tổ chức, cá nhân liên quan theo thẩm quyền để hỗ trợ di dời. Trường hợp vượt quá khả năng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Thủ tướng Chính phủ để kịp thời xử lý.”.

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 và bổ sung khoản 3 Điều 22 như sau:

“1. Tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế **đăng ký hoạt động ứng**

phó và khắc phục hậu quả thiên tai lập 01 hồ sơ đăng ký, gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến **Bộ Nông nghiệp và Môi trường** để trình các cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. Hồ sơ đăng ký bao gồm:

a) Đơn đăng ký hoạt động ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai tại Việt Nam, trong đó bao gồm các nội dung: Tên tổ chức, cá nhân; mục đích của hoạt động; thời gian, địa điểm dự kiến thực hiện **và cam kết về đảm bảo an ninh, an toàn và tuân thủ các quy định của pháp luật của Việt Nam** (theo mẫu Phụ lục I);

b) Danh mục hàng hóa, vật tư, trang thiết bị hỗ trợ và các văn bản khác có liên quan (nếu có, theo mẫu Phụ lục II);

c) Danh sách người tham gia (theo mẫu Phụ lục III).

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, **Bộ Nông nghiệp và Môi trường** hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ.

2. Trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ **hợp lệ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường** có trách nhiệm thông báo kết quả xử lý hồ sơ đến tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký và các cơ quan liên quan.

3. Đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế tham gia hoạt động tìm kiếm cứu nạn tại Việt Nam thì thực hiện theo quy định về tìm kiếm cứu nạn.”.

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 33 như sau:

“1. Người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong thời gian được huy động làm nhiệm vụ phòng, chống thiên tai, tham gia tập huấn, huấn luyện, diễn tập được hưởng trợ cấp ngày công lao động như sau:

a) Đối với người được huy động tập huấn, huấn luyện, diễn tập: Mức trợ cấp theo ngày được huy động không thấp hơn **327.600 đồng**;

b) Đối với người được huy động làm nhiệm vụ phòng, chống thiên tai: Mức trợ cấp ngày công lao động mỗi người mỗi ngày không thấp hơn **655.200 đồng**;

c) Nếu huấn luyện, diễn tập và làm nhiệm vụ phòng, chống thiên tai vào ban đêm (từ 22 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ ngày hôm sau) được tính gấp đôi mức trợ cấp quy định tại **điểm a, điểm b khoản 1 Điều này**;

d) Khi tập trung, tập huấn, huấn luyện, diễn tập, làm nhiệm vụ phòng, chống thiên tai cách xa nơi cư trú, không có điều kiện đi, về hàng ngày thì được bố trí nơi ăn, nghỉ, hỗ trợ phương tiện, chi phí đi lại hoặc thanh toán tiền tàu xe một lần đi và về như cán bộ, công chức cấp xã; được hỗ trợ tiền ăn theo mức do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định, nhưng không thấp hơn **65.000 đồng**.

Cấp nào huy động thì cấp đó bảo đảm chi trả.”.

12. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 35 như sau:

“3. Mức hưởng cho người tham gia lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã không tham gia bảo hiểm xã hội nếu bị tai nạn, bị chết.

a) Trợ cấp tai nạn: Trong thời gian điều trị tai nạn được hưởng như quy định tại khoản 2 Điều này kể cả trường hợp vết thương tái phát cho đến khi xuất viện. Trường hợp tai nạn làm suy giảm khả năng lao động 5% thì được hưởng **11.700.000 đồng**; sau đó, cứ suy giảm thêm 1% thì được hưởng thêm **1.170.000 đồng**; **suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên thì được hưởng 140.400.000 đồng**;

b) Trợ cấp tiền tuất: Trường hợp bị chết, bị tai nạn dẫn đến chết thì thân nhân được trợ cấp tiền tuất bằng **84.240.000 đồng**; người lo mai táng được nhận tiền mai táng phí bằng **23.400.000 đồng**;

c) Trường hợp bị ốm đau dẫn đến chết: Thân nhân được trợ cấp tiền tuất bằng **11.700.000 đồng**; người lo mai táng được nhận tiền mai táng phí bằng **23.400.000 đồng**.

4. Trình tự, thủ tục

a) Tiếp nhận hồ sơ:

Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận hồ sơ đề nghị của người tham gia lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã hoặc người đại diện hợp pháp **và trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính bằng văn bản.**

Đối với trường hợp bị tai nạn làm suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên hoặc bị chết, trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ **đầy đủ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã lập 01 bộ hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.**

Đối với trường hợp không đủ điều kiện, hóa đơn, giấy tờ theo quy định hoặc không hợp lệ, trong thời hạn **01** ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, cơ quan cấp *tỉnh, xã* phải có văn bản hướng dẫn gửi người nộp đơn để bổ sung, hoàn thiện.

b) Quyết định hỗ trợ, trợ cấp:

Đối với chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong trường hợp bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương: Trong thời hạn **07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã** quyết định hỗ trợ kinh phí khám bệnh, chữa bệnh cho người tham gia lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã.

Đối với kinh phí trợ cấp tai nạn làm suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên hoặc bị chết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ do **Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã** trình, **Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**

quyết định trợ cấp tai nạn, bị chết cho người tham gia lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã;

c) Chi trả hỗ trợ, trợ cấp:

Trong thời hạn **03** ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định trợ cấp, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thực hiện chi trả chi phí khám chữa bệnh, tiền trợ cấp cho đối tượng được hưởng; việc chi trả bằng hình thức chuyển khoản hoặc qua đường bưu chính hoặc trực tiếp nhận ở cấp xã.

5. Hồ sơ đề nghị

a) Hỗ trợ chi phí khám chữa bệnh:

Người tham gia lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã hoặc người đại diện hợp pháp lập 01 bộ hồ sơ gửi Ủy ban nhân dân xã, hồ sơ gồm đơn đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định này, phiếu xét nghiệm, đơn thuốc, hóa đơn thu tiền, giấy xuất viện.

Ủy ban nhân dân cấp xã lập 01 bộ hồ sơ trình **Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định**, hồ sơ gồm tờ trình kèm theo hồ sơ hợp lệ quy định tại điểm a khoản 5 Điều này.

Trường hợp người tham gia lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã bị tai nạn làm suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên hoặc bị chết, Ủy ban nhân dân cấp xã lập 01 bộ hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, hồ sơ gồm tờ trình kèm theo hồ sơ hợp lệ quy định tại điểm a khoản 5 Điều này.

b) Trợ cấp tai nạn:

Người tham gia lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã hoặc người đại diện hợp pháp lập 01 bộ hồ sơ gửi Ủy ban nhân dân cấp xã, hồ sơ gồm đơn đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định này; giấy ra viện; trích sao hồ sơ bệnh án hoặc bản sao giấy chứng nhận thương tích do cơ sở y tế nơi đã cấp cứu, điều trị; biên bản giám định mức suy giảm khả năng lao động của hội đồng giám định y khoa bệnh viện cấp tỉnh và tương đương trở lên trong trường hợp tai nạn làm suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên. Trường hợp bị tai nạn giao thông thì có thêm biên bản điều tra của cơ quan công an.

Ủy ban nhân dân cấp xã lập 01 bộ hồ sơ trình **Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định**, hồ sơ gồm tờ trình và hồ sơ hợp lệ quy định tại điểm b khoản 5 Điều này;

Trường hợp tai nạn làm suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên, **Ủy ban nhân dân cấp xã** lập 01 bộ hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; hồ sơ gồm: tờ trình và hồ sơ hợp lệ quy định tại điểm b khoản 5 Điều này.

c) Trợ cấp tiền tuất:

Người tham gia lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã hoặc người đại diện hợp pháp lập 01 bộ hồ sơ gửi Ủy ban nhân dân cấp xã, hồ sơ gồm

đơn đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định này; giấy ra viện hoặc trích sao hồ sơ bệnh án hoặc bản sao giấy chứng tử hoặc trích lục khai tử. Trường hợp bị tai nạn giao thông dẫn đến chết thì có thêm biên bản điều tra của cơ quan công an.

Ủy ban nhân dân cấp xã lập 01 bộ hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, hồ sơ gồm tờ trình và hồ sơ hợp lệ quy định tại điểm c khoản 5 Điều này.”.

13. Thay thế một số cụm từ như sau:

a) Thay thế cụm từ “Ban chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai” bằng cụm từ “Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia” tại khoản 1 Điều 11; điểm b, điểm c khoản 2 Điều 16;

b) Thay thế cụm từ “Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn” bằng cụm từ “Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia” tại khoản 2 Điều 9; khoản 3 Điều 10;

c) Thay thế cụm từ “Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn” bằng cụm từ “Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự” tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều 12; khoản 1 Điều 19;

d) Thay thế cụm từ “Bộ Thông tin và Truyền thông” bằng cụm từ “Bộ Khoa học và Công nghệ” tại khoản 4 Điều 3;

đ) Thay thế cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 4 Điều 3;

e) Thay thế cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 2 Điều 15;

g) Thay thế cụm từ “Bộ Kế hoạch và Đầu tư” bằng cụm từ “Bộ Tài chính” tại khoản 2 Điều 15;

h) Thay thế cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “Bộ Y tế” tại điểm b khoản 3 Điều 18;

i) Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” tại khoản 3 Điều 7;

k) Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã” tại khoản 6 Điều 35;

l) Thay thế cụm từ “Số Chứng minh nhân dân (Căn cước công dân)” bằng cụm từ “Số Căn cước công dân/Căn cước” tại Phụ lục VI, Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;

14. Bãi bỏ một số cụm từ, khoản, Điều sau đây:

a) Bãi bỏ khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 7; khoản 3 Điều 19; Điều 20;

Điều 31;

b) Bỏ cụm từ “và Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn” tại khoản 1 Điều 3; khoản 1 Điều 4; khoản 1, khoản 4 Điều 8; khoản 3 Điều 9; khoản 4, khoản 5 Điều 10;

c) Bỏ cụm từ “Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn” tại khoản 2 Điều 3;

d) Bỏ cụm từ “chủ trì, phối hợp với Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn” tại khoản 5 Điều 8.

15. Thay thế “Đơn đăng ký hoạt động ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai tại Việt Nam” tại phụ lục I kèm theo Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều bằng đơn kèm theo phụ lục Nghị định này.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai được sửa đổi, bổ sung một số điều theo quy định tại Nghị định số 63/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 12 như sau:

“a. Cán bộ, công chức, viên chức, người hưởng lương, phụ cấp và người lao động làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Nhà nước, Mặt trận tổ quốc được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động ở trung ương, ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (cấp tỉnh), **ở xã, phường, đặc khu trực thuộc tỉnh (cấp xã)**, ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt và lực lượng vũ trang đóng một phần hai của mức lương cơ sở chia cho số ngày làm việc trong tháng.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 15 như sau:

“7. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn việc lập, phê duyệt, thông báo kế hoạch thu Quỹ cấp tỉnh đối với từng cơ quan, đơn vị có liên quan.

a) **Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương** có trách nhiệm phối hợp và **chỉ đạo Thuế cơ sở** trong việc hỗ trợ thu quỹ, lập kế hoạch thu Quỹ và cung cấp thông tin tổng giá trị tài sản hiện có theo báo cáo tài chính lập ngày 31 tháng 12 hàng năm của các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn; thông tin tại điểm i, điểm k khoản 1 và khoản 2 Điều 13 cho cơ quan quản lý Quỹ cấp tỉnh, **Ủy ban nhân dân cấp xã** để làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch thu.

b) Cơ quan Bảo hiểm xã hội có trách nhiệm cung cấp thông tin về số lượng công chức, viên chức, người hưởng lương, phụ cấp, người lao động làm việc trong các cơ quan, tổ chức và người lao động làm việc theo hợp đồng lao động của các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn cho cơ quan quản lý Quỹ cấp tỉnh, **Ủy ban nhân dân cấp xã** để làm cơ sở cho việc xây dựng **kế hoạch thu**.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 16 như sau:

“2. Căn cứ nội dung chi của Quỹ cấp tỉnh tại khoản 1 Điều này và số thu thực tế trên địa bàn mỗi cấp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phân bổ cho **Ủy ban nhân dân cấp xã** như sau:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã giữ lại tối đa không quá 28% số thu trên địa bàn để hỗ trợ chi thù lao cho lực lượng trực tiếp thu (không quá 5%); chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu quỹ (không quá 3%) và chi thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai tại cấp xã (không quá 20%). Số tiền thu quỹ còn lại (tối thiểu 72% số thu trên địa bàn) **nộp vào tài khoản quỹ ở cấp tỉnh**. Đối với các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo và các xã khu vực III, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phân bổ tối thiểu cho Ủy ban nhân dân cấp xã phải bằng số tiền của cấp xã (trừ các xã nêu trên) được phân bổ thấp nhất.

b) Sau khi các cấp có báo cáo quyết toán kinh phí, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện thu hồi khoản phân bổ nếu còn dư hoặc quyết định phân bổ khi nguồn kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai **tại cấp xã** đã sử dụng hết.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 19 như sau:

“4. Cơ quan **Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh** được quyền yêu cầu cung cấp thông tin về quỹ và thực hiện quyền giám sát thông qua các ý kiến, đề xuất, phản biện.”.

5. Sửa đổi, bổ sung một số khoản Điều 20 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 20 như sau:

“2. Cấp xã phải công khai kết quả thu nộp, danh sách người lao động, **tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài** đã đóng quỹ trên địa bàn; tổng kinh phí được cấp cho công tác phòng, chống thiên tai và nội dung chi bằng các hình thức: báo cáo giải trình công khai tại cuộc họp tổng kết hàng năm, niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, **cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp xã và trên các phương tiện truyền thông tại xã**.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 20 như sau:

“4. Cơ quan quản lý Quỹ cấp tỉnh công khai kết quả thu, danh sách và mức thu đối với từng cơ quan, tổ chức, đơn vị và **từng xã**; báo cáo quyết toán thu chi; nội dung chi theo địa bàn **cấp xã** bằng các hình thức: gửi cơ quan quản lý Quỹ trung ương; niêm yết tại trụ sở Quỹ cấp tỉnh; thông báo bằng văn bản tới cơ quan, tổ chức đóng góp quỹ; công khai trên Cổng Thông tin điện tử của cơ quan quản lý Quỹ cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.”.

6. Bãi bỏ một số điểm, khoản; cụm từ sau đây:

a) Bãi bỏ điểm b khoản 2 Điều 16; khoản 3 Điều 20;

b) Bãi bỏ cụm từ “*Thanh tra*” tại điểm d khoản 1 Điều 24;

c) Bãi bỏ cụm từ “*cấp huyện*,” tại khoản 2 Điều 17; khoản 4 Điều 24.

7. Thay thế một số cụm từ như sau:

a) Thay thế cụm từ “*Bộ Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn*” bằng cụm từ “*Bộ Nông nghiệp và Môi trường*” tại khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 5; Điều 8; khoản 2 Điều 23; khoản 1, khoản 2 Điều 24;

b) Thay thế cụm từ “*Bộ trưởng Bộ Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn*” bằng cụm từ “*Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường*” tại khoản 2, khoản 3 Điều 5; Điều 21; khoản 2 Điều 22;

c) Thay thế cụm từ “*quyết định của Ủy ban Dân tộc*” bằng cụm từ “*quy định của Bộ Dân tộc và Tôn giáo*” tại điểm h khoản 1 Điều 13.

d) Thay thế cụm từ “*Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã*” bằng cụm từ “*Ủy ban nhân dân cấp xã*” tại khoản 4 Điều 11; khoản 6 Điều 15.

đ) Thay thế cụm từ “*Ủy ban nhân dân cấp huyện*” bằng cụm từ “*Ủy ban nhân dân cấp xã*” tại điểm k khoản 1 Điều 13; khoản 1 Điều 14; khoản 3 Điều 17.

e) Thay thế cụm từ “*Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện*” bằng cụm từ “*Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã*” tại khoản 2 Điều 14.

g) Thay thế cụm từ “*tài khoản ở cấp huyện*” bằng cụm từ “*tài khoản ở cấp xã*” tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 15.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 9/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 6 như sau:

“2. Trình tự, trách nhiệm thực hiện việc hỗ trợ thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này:

a) Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Tổ kiểm tra phối hợp với cơ sở sản xuất tiến hành thống kê, đánh giá mức độ thiệt hại báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã để giải quyết.

Tổ kiểm tra bao gồm đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã, đại diện một số tổ chức chính trị - xã hội tại địa phương, *đại diện thôn, tổ dân phố*. Tổ kiểm tra thực hiện phối hợp với cơ sở sản xuất tổ chức thống kê, đánh giá mức độ thiệt hại, nhu cầu hỗ trợ cụ thể báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã.

Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thẩm định và quyết định hỗ trợ theo thẩm quyền hoặc tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo biểu mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

b) Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Căn cứ báo cáo của *Ủy ban nhân dân cấp xã*, cơ quan chuyên môn về *nông nghiệp và môi trường* thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thẩm định,

trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt và bố trí ngân sách địa phương và các nguồn tài chính hợp pháp khác để đáp ứng kịp thời nhu cầu hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật theo quy định tại Nghị định này.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 8 như sau:

“3. Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam các cấp chủ trì, phối hợp *với cơ quan liên quan* tổ chức giám sát việc thực hiện hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 9 như sau:

“1. Chỉ đạo tổ chức thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật gây ra, chủ động thực hiện công tác hỗ trợ từ nguồn ngân sách của địa phương, các nguồn lực hợp pháp khác để kịp thời khắc phục hậu quả thiên tai, dịch hại thực vật để khôi phục sản xuất nông nghiệp vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật; tổng hợp báo cáo, đề xuất nhu cầu hỗ trợ *từ dự phòng ngân sách nhà nước* gửi Bộ Tài chính để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu báo cáo, đồng thời gửi báo cáo cho Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia để tổng hợp chung theo quy định.”

4. Bãi bỏ cụm từ “cấp huyện,” tại khoản 2, khoản 4 Điều 9.

5. Thay thế một số cụm từ như sau:

a) Thay thế cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 1 Điều 8; khoản 5 Điều 9.

b) Thay thế cụm từ “UBND cấp huyện, xã” bằng cụm từ “UBND cấp xã” tại mục ghi chú của mẫu số 01, mẫu số 02, mẫu số 03, mẫu số 04, mẫu số 05 phụ lục kèm theo Nghị định số 9/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2025.

c) Thay thế cụm từ “UBND cấp huyện” bằng cụm từ “UBND cấp xã” tại mục ghi chú của mẫu số 01, mẫu số 02, mẫu số 03, mẫu số 04, mẫu số 05 phụ lục kèm theo Nghị định số 9/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2025.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đê điều

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 như sau:

“1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của *Luật Đê điều*, bao gồm:

a) Điều 4 về phân loại và phân cấp đê;

b) Điều 6 về chính sách của Nhà nước trong lĩnh vực đê điều;

c) Điều 26 về sử dụng bãi sông, **bãi nổi hoặc cù lao** nơi chưa có công trình xây dựng;

d) Điều 27 về xử lý công trình, nhà ở hiện có trong phạm vi bảo vệ đê điều và ở bãi sông, **bãi nổi hoặc cù lao**;

đ) Khoản 2 Điều 37 về cơ cấu tổ chức, sắc phục, phù hiệu, cấp hiệu và chế độ chính sách đối với lực lượng chuyên trách quản lý đê điều;

e) **Điều 46** về xử lý vi phạm pháp luật về đê điều của Luật Đê điều.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 2 như sau:

“2. Cấp của từng tuyến đê thực hiện theo quyết định phân cấp của **Bộ Nông nghiệp và Môi trường** được Chính phủ **phân cấp thẩm quyền**.

3. Giao **Ủy ban nhân dân cấp tỉnh** có **trách nhiệm** rà soát, điều chỉnh cấp đê theo tiêu chí quy định tại khoản 3 Điều 4 của Luật Đê điều để phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, **trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định**.”

3. Sửa đổi, bổ sung tên Điều 5 như sau:

“**Điều 5. Sử dụng bãi sông, bãi nổi hoặc cù lao** nơi chưa có công trình xây dựng theo điểm c khoản 3 Điều 26 của Luật Đê điều được quy định như sau:”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5 như sau:

“2. **Tuân theo quy hoạch tài nguyên nước, phòng, chống thiên tai và thủy lợi, quy hoạch đê điều và phòng, chống lũ của tuyến sông có đê, quy hoạch tỉnh, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt**.”

5. Sửa đổi, bổ sung tên Điều 6 và khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 6 như sau:

“**Điều 6. Xử lý công trình, nhà ở hiện có trong phạm vi bảo vệ đê điều và ở bãi sông, bãi nổi hoặc cù lao** theo Điều 27 của Luật Đê điều được quy định như sau:

1. Trên cơ sở **quy hoạch tài nguyên nước, phòng, chống thiên tai và thủy lợi, quy hoạch đê điều và phòng, chống lũ của tuyến sông có đê, quy hoạch tỉnh đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt**, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Tổ chức việc lập, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn có liên quan đến phạm vi bảo vệ đê điều và bãi sông, bãi nổi hoặc cù lao trình cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc phê duyệt theo thẩm quyền;

b) Tổ chức cắm mốc chỉ giới trên thực địa theo quy hoạch;

c) Xác định số lượng công trình, nhà ở phải di dời;

d) Xây dựng kế hoạch và biện pháp thực hiện việc di dời.

2. Thời gian di dời đối với công trình, nhà ở hiện có trong phạm vi bảo vệ đê điều và ở bãi sông, **bãi nổi hoặc cù lao** thuộc diện phải di dời được quy định như sau:

a) Công trình, nhà ở hiện có trong khu vực đang bị sạt lở phải di dời ngay để bảo đảm an toàn tính mạng và tài sản của nhân dân;

b) Công trình, nhà ở hiện có trong phạm vi bảo vệ đê điều phải tổ chức di dời **hoàn thành trước ngày 31/12/2030**;

c) Công trình, nhà ở không phù hợp với quy hoạch (**quy hoạch tài nguyên nước, phòng, chống thiên tai và thủy lợi, quy hoạch đê điều và phòng, chống lũ của tuyến sông có đê, quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt**) thì phải tổ chức di dời **hoàn thành trước ngày 31/12/2030**.

3. Chính sách đối với công trình, nhà ở hiện có trong phạm vi bảo vệ đê điều và ở bãi sông, **bãi nổi hoặc cù lao** thuộc diện phải di dời được quy định như sau:

a) Công trình, nhà ở hợp pháp được bồi thường theo quy định của pháp luật;

b) Công trình, nhà ở không hợp pháp có thể được xem xét hỗ trợ; mức hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.”

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 7 như sau:

“1. Lực lượng chuyên trách quản lý đê điều thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là cấp tỉnh) có đê được tổ chức thành các Hạt Quản lý đê trong phạm vi một **xã** hoặc liên **xã**.

Hạt Quản lý đê là đơn vị của **Chi cục thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về đê điều và phòng, chống thiên tai thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh**; có trụ sở làm việc, có con dấu và tài khoản riêng.”

7. Bãi bỏ Điều 4, Điều 9.

8. Thay thế cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” bằng cụm từ **“Bộ Nông nghiệp và Môi trường”** tại khoản 3 Điều 8.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 04/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về thực hiện bãi bỏ việc sử dụng các khu phân lũ, làm chậm lũ thuộc hệ thống sông Hồng

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, **khoản 2** Điều 1 như sau:

“1. Bãi bỏ việc sử dụng các khu chậm lũ Tam Thanh, **Lập Thạch thuộc tỉnh Phú Thọ**, Lương Phú - Quảng Oai, Ba Vì thuộc thành phố Hà Nội và hệ thống phân lũ sông Đáy (được quy định tại Quy chế về phân lũ, chậm lũ thuộc hệ thống sông Hồng để bảo vệ an toàn cho Thủ đô Hà Nội ban hành theo Nghị định số 62/1999/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 1999) kể từ khi công trình thủy điện Sơn La chính thức tham gia cắt lũ cho hạ du.

2. Các giải pháp phòng, chống lũ hệ thống sông Hồng phải được điều chỉnh nhằm đảm bảo an toàn cho Thủ đô Hà Nội và đồng bằng sông Hồng theo **quy hoạch đề điều và phòng, chống lũ của tuyến sông có đề** phù hợp với quy định tại khoản 1.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 2 như sau:

“4. củng cố, nâng cấp các tuyến đề sông Hồng - sông Thái Bình, đề bảo vệ khu vực Tam Thanh, Lập Thạch, Lương Phú – Quảng Oai, Ba Vì đạt **tiêu chuẩn thiết kế**.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8 Điều 3 như sau:

“4. **Bộ Nông nghiệp và Môi trường**:

a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương **tổ chức** lập điều chỉnh **quy hoạch đề điều và phòng, chống lũ của tuyến sông có đề** hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình, **phê duyệt theo thẩm quyền**;

b) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố: Hà Nội, **Ninh Bình** **tổ chức** lập điều chỉnh **quy hoạch đề điều và phòng, chống lũ của tuyến sông có đề hệ thống** sông Đáy, **phê duyệt theo thẩm quyền**;

c) Chỉ đạo công tác dự báo, cảnh báo và cung cấp kịp thời số liệu về mưa, lũ (theo giờ) cho **Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia** và các cơ quan liên quan để tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ ra lệnh vận hành công trình đầu mối sông Đáy khi dự báo xuất hiện lũ có chu kỳ lặp lại lớn hơn 500 năm trên hệ thống sông Hồng, hoặc xảy ra sự cố nghiêm trọng đối với hệ thống đề điều khu vực nội thành Hà Nội;

d) Chỉ đạo, kiểm tra việc củng cố, nâng cấp các tuyến đề bảo vệ khu vực Tam Thanh, Lập Thạch, Lương Phú - Quảng Oai, **Ba Vì**.

5. **Bộ Tài chính** chủ trì, phối hợp với **Bộ Nông nghiệp và Môi trường** và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố: Hà Nội, **Phú Thọ và Ninh Bình** xây dựng cơ chế đầu tư tạo nguồn vốn thực hiện các giải pháp quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 2 của Nghị định này, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

6. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố **Hà Nội và Ninh Bình**:

a) Tổ chức lập, điều chỉnh **nội dung phương án phòng, chống lũ của tuyến sông có đề, phương án phát triển hệ thống đề điều sông Đáy** thuộc phạm vi quản lý của địa phương **trong quy hoạch tỉnh phù hợp với quy hoạch tài nguyên nước, phòng, chống thiên tai và thủy lợi, quy hoạch đề điều và phòng, chống lũ của tuyến sông có đề hệ thống các sông: sông Hồng - sông Thái Bình; sông Đáy**;

b) Chỉ đạo việc lập, phê duyệt điều chỉnh **hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất**; bố trí sắp xếp lại dân cư, xây dựng cơ sở hạ tầng phù hợp với **quy hoạch tài nguyên nước, phòng, chống thiên tai**

và thủy lợi; quy hoạch đê điều và phòng, chống lũ của tuyến sông có đê; quy hoạch tỉnh;

c) Tổ chức quản lý và thực hiện quy hoạch theo quy định; triển khai thực hiện đầu tư các dự án theo quy hoạch.

7. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố: Hà Nội, ***Phú Thọ*** chỉ đạo, tổ chức thực hiện củng cố, nâng cấp các tuyến đê bảo vệ khu vực Tam Thanh, Lập Thạch, Lương Phú - Quảng Oai, Ba Vì theo tiêu chuẩn thiết kế.

8. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố có đê thuộc hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình chỉ đạo, tổ chức thực hiện củng cố, nâng cấp các tuyến đê sông ***theo tiêu chuẩn thiết kế.***”

4. Bổ sung khoản 9 vào sau khoản 8 Điều 3 như sau:

“9. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội chỉ đạo khảo sát, đánh giá các công trình đầu mối phân lũ sông Đáy hiện có; quyết định phương án cải tạo hoặc xây dựng mới và quản lý thực hiện đầu tư các công trình đầu mối đáp ứng mục tiêu, nhiệm vụ được quy định tại khoản 3 Điều 2 của Nghị định này.”

5. Thay thế một số cụm từ sau đây:

a) Thay thế cụm từ “Ban Chỉ đạo phòng, chống lụt, bão Trung ương” thành “Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia” tại tên Điều 3.

b) Thay thế cụm từ “Trưởng Ban Chỉ đạo phòng, chống lụt, bão Trung ương” thành “Trưởng ban Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia” tại khoản 1 Điều 3, khoản 3 Điều 4.

6. Bãi bỏ khoản 3 Điều 3, điểm c khoản 4 Điều 3.

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung tên gọi và một số điều của Nghị định số 53/2019/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết việc lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch thủy lợi; đê điều; phòng, chống lũ của tuyến sông có đê

1. Sửa đổi, bổ sung tên gọi của Nghị định số 53/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ như sau:

“Nghị định quy định chi tiết việc lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch thủy lợi; đê điều **và** phòng, chống lũ của tuyến sông có đê”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 như sau:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về việc lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch thủy lợi; đê điều **và** phòng, chống lũ của tuyến sông có đê (sau đây gọi tắt là quy hoạch).”

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 2 như sau:

“Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch thủy lợi; đề điều **và** phòng, chống lũ của tuyến sông có đề và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 5 như sau:

“5. Cơ quan lập quy hoạch hoàn thiện quy hoạch theo kết luận của hội đồng thẩm định quy hoạch, trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt.”

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 10 như sau:

“2. Nguyên tắc và nội dung **quy hoạch đề điều và phòng, chống lũ của tuyến sông có đề** được thực hiện theo quy định **của Luật Đề điều.**”

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau:

“Điều 16. Phê duyệt quy hoạch

Cơ quan lập quy hoạch trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt quy hoạch, hồ sơ gồm:

1. Tờ trình phê duyệt quy hoạch.
 2. Dự thảo Quyết định của **Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường** phê duyệt quy hoạch, nội dung chủ yếu gồm: Thời kỳ quy hoạch, phạm vi quy hoạch, quan điểm, mục tiêu, giải pháp quy hoạch, kinh phí thực hiện quy hoạch và tổ chức thực hiện.
 3. Báo cáo thẩm định quy hoạch.
 4. Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến hội đồng thẩm định về nội dung quy hoạch.
 5. Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân về quy hoạch; bản sao ý kiến góp ý của bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh trong phạm vi quy hoạch; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý về quy hoạch.
 6. Báo cáo thuyết minh quy hoạch đã chỉnh lý, hoàn thiện.
 7. Báo cáo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược.
 8. Hệ thống sơ đồ, bản đồ về quy hoạch.”
7. Sửa đổi, bổ sung Điều 17 như sau:

“Điều 17. Thẩm quyền điều chỉnh quy hoạch

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch thủy lợi; đề điều **và** phòng, chống lũ của tuyến sông có đề.”

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 18 như sau:

“Điều 18. Căn cứ điều chỉnh quy hoạch

Việc điều chỉnh quy hoạch thủy lợi; đề điều **và** phòng, chống lũ của tuyến sông có đề được thực hiện khi có một trong các căn cứ quy định tại Điều 53 Luật Quy hoạch.”

9. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 19 như sau:

“c) **Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét quyết định.**”

10. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 20 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 20 như sau:

“1. Ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về quy hoạch thủy lợi; đề điều **và** phòng chống lũ của tuyến sông có đề.”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 20 như sau:

“9. **Kiểm tra**, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về quy hoạch.”

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 22 như sau:

“Điều 22. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. **Chỉ đạo, tổ chức thực hiện quy hoạch;** phối hợp với **Bộ Nông nghiệp và Môi trường** trong hoạt động quy hoạch.

2. Bảo đảm nội dung thủy lợi, đề điều, phòng, chống lũ của tuyến sông có đề trong quy hoạch tỉnh phù hợp với quy hoạch thủy lợi; đề điều **và** phòng, chống lũ của tuyến sông có đề.”

12. Thay thế cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại Điều 3, khoản 1 và khoản 2 Điều 5, khoản 1, khoản 2 và điểm c khoản 8 Điều 7, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 8, khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 11, khoản 1, điểm a và điểm c khoản 2 Điều 12, khoản 6 Điều 15, điểm a khoản 2 Điều 19, tên Điều 20, Điều 21, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 22, khoản 2 Điều 24.

13. Bỏ một số cụm từ sau đây:

a) Bỏ cụm từ “Bộ Kế hoạch và Đầu tư” tại khoản 2 Điều 7, khoản 3 Điều 22;

b) Bỏ cụm từ “Kế hoạch và Đầu tư” tại khoản 1 Điều 11, điểm c khoản 2 Điều 12;

c) Bỏ cụm từ “Tài nguyên và Môi trường” tại khoản 1 Điều 11, điểm c khoản 2 Điều 12;

d) Bỏ cụm từ “Giao thông vận tải” tại khoản 1 Điều 11, điểm c khoản 2 Điều 12.

14. Bãi bỏ Điều 9.

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 50/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai

1. Sửa Điều 1 như sau:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng đối với các khoản viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai; ***các khoản viện trợ quốc tế để chuẩn bị ứng phó thiên tai*** tại Việt Nam.”.

2. Sửa đổi khoản 2 Điều 2 như sau:

“2. Bên tiếp nhận viện trợ là các tổ chức thành lập theo pháp luật Việt Nam; có chức năng, nhiệm vụ và hoạt động phù hợp với mục tiêu và nội dung của các khoản viện trợ gồm:

a) Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ ***sau khi tiếp nhận viện trợ chuyển giao cho Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để phân bổ.***

b) Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh;

c) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.”

3. Sửa đổi khoản 1 và khoản 2 Điều 3 như sau:

“1. “Viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ” là các khoản viện trợ không hoàn lại, không vì mục đích lợi nhuận của Bên viện trợ để thực hiện các hoạt động cứu trợ theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Luật Phòng, chống thiên tai, được phê duyệt và thực hiện trong thời gian **06** tháng kể từ khi thiên tai xảy ra.

2. “Viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai” là các khoản viện trợ không hoàn lại, không vì mục đích lợi nhuận của Bên viện trợ để thực hiện các hoạt động khắc phục hậu quả thiên tai theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Phòng, chống thiên tai, được phê duyệt và thực hiện trong thời gian **12** tháng kể từ khi thiên tai xảy ra.”

4. Bổ sung khoản 2a Điều 3 như sau:

“2a. “Viện trợ quốc tế để chuẩn bị ứng phó, cứu trợ, khắc phục hậu quả thiên tai” là các khoản viện trợ không hoàn lại, không vì mục đích lợi nhuận của Bên viện trợ để thực hiện các hoạt động chuẩn bị ứng phó, cứu trợ, khắc phục hậu quả thiên tai theo quy định tại khoản 9 Điều 13, khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 32 Luật Phòng, chống thiên tai mà quy mô, thời gian, địa điểm thực hiện các hoạt động cụ thể được xác định và triển khai khi có các tình huống thiên tai.”

5. Sửa đổi khoản 1 Điều 5 như sau:

“1. Các hoạt động thuê kho, bến bãi tiếp nhận, ***vận chuyển*** và các chi phí liên quan khác ***được sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước cấp cho ban chỉ huy phòng thủ dân sự các bộ, ngành, địa phương và các nguồn hợp pháp khác.*** Nguồn kinh phí và trách nhiệm bố trí kinh phí phải được thể hiện trong quyết định tiếp nhận viện trợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.”

6. Điều chỉnh tên Chương II như sau:

“Chương II

Tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ”

7. Điều chỉnh tên Chương III như sau:

“Chương III

Tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai”

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

“Điều 12. Quyết định chủ trương, *điều chỉnh quyết định chủ trương* tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ

1. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương, *điều chỉnh chủ trương* tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai đối với các trường hợp sau đây:

a) Khoản viện trợ có nội dung liên quan đến an ninh, quốc phòng, tôn giáo;

b) Viện trợ mua sắm, cung cấp các loại hàng hóa thuộc diện phải được Thủ tướng Chính phủ cho phép;

c) Các khoản viện trợ chưa xác định cơ quan chủ quản.

2. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương, *điều chỉnh quyết định chủ trương* tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ

a) Cơ quan chủ quản có văn bản đề nghị phê duyệt chủ trương, *điều chỉnh chủ trương* tiếp nhận viện trợ kèm theo Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai gửi ***Bộ Nông nghiệp và Môi trường*** để thẩm định;

b) ***Đối với hồ sơ đề nghị phê duyệt chủ trương tiếp nhận viện trợ***, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan chủ quản, ***Bộ Nông nghiệp và Môi trường*** gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan về những nội dung chính gồm: sự cần thiết, mục tiêu, nguồn vốn viện trợ, điều kiện của Bên viện trợ (nếu có) và khả năng đáp ứng của phía Việt Nam. Thời hạn để các cơ quan liên quan có văn bản trả lời tối đa không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản;

c) Đối với hồ sơ đề nghị điều chỉnh chủ trương tiếp nhận viện trợ, cơ quan chủ quản có văn bản đề nghị điều chỉnh nội dung của Quyết định chủ trương tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì lấy ý kiến các cơ quan có liên quan nếu cần thiết, thời hạn để các cơ quan liên quan có văn bản trả lời tối đa không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

d) ***Bộ Nông nghiệp và Môi trường*** có trách nhiệm thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định chủ trương, *điều chỉnh chủ trương* tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai hoặc trả lời cơ quan chủ quản trong thời hạn tối đa không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn lấy ý kiến các cơ quan liên quan đối với trường hợp dự thảo Văn kiện cần giải trình, chỉnh sửa;

đ) Trong thời hạn tối đa không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến thẩm định của **Bộ Nông nghiệp và Môi trường**, cơ quan chủ quản thực hiện giải trình, tiếp thu, hoàn thiện hồ sơ và gửi **Bộ Nông nghiệp và Môi trường**. Trong thời hạn tối đa không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận lại đầy đủ hồ sơ, **Bộ Nông nghiệp và Môi trường** xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ;

e) Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định chủ trương, **điều chỉnh quyết định chủ trương** tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai.

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 như sau:

“Điều 13. Phê duyệt Văn kiện, **điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai**

1. Cơ quan chủ quản lấy ý kiến các cơ quan, địa phương có liên quan **nếu cần thiết**;

2. Nội dung lấy ý kiến (**nếu có**) gồm: Sự phù hợp của khoản viện trợ quốc tế khắc phục hậu quả thiên tai với bối cảnh cụ thể của bộ, ngành, địa phương; sự phù hợp của phương thức tổ chức thực hiện khoản viện trợ quốc tế để khắc phục hậu quả thiên tai; nguồn vốn; cam kết, điều kiện viện trợ của Bên viện trợ và các bên tham gia (**nếu có**); khả năng đáp ứng các điều kiện, yêu cầu của Bên viện trợ; hiệu quả, tính bền vững sau khi kết thúc khoản viện trợ; **hoặc các nội dung thay đổi trong trường hợp cần điều chỉnh Văn kiện**.

3. Hồ sơ gửi lấy ý kiến (**nếu có**) bao gồm: Văn bản trình phê duyệt **hoặc điều chỉnh** Văn kiện viện trợ quốc tế **khẩn cấp** để khắc phục hậu quả thiên tai của cơ quan Chủ khoản viện trợ; văn bản của nhà tài trợ thống nhất với nội dung khoản viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai **hoặc nội dung cần điều chỉnh** (thông báo hoặc thỏa thuận); dự thảo Văn kiện **hoặc dự thảo điều chỉnh Văn kiện** viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai;

4. Thời hạn để các cơ quan liên quan có văn bản trả lời tối đa không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan chủ quản;

5. Trên cơ sở ý kiến của các bộ, cơ quan, địa phương có liên quan, cơ quan chủ quản giao chủ khoản viện trợ hoàn chỉnh Văn kiện và trình cơ quan chủ quản xem xét, quyết định phê duyệt Văn kiện, **điều chỉnh Văn kiện** viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai.

6. Sau khi Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai được phê duyệt **hoặc điều chỉnh**, cơ quan chủ quản thông báo cho **Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Tài chính** và các cơ quan, địa phương có liên quan.”

10. Điều chỉnh tên Chương IV như sau:

“Chương IV

Quản lý thực hiện”

11. Bổ sung Điều 15a như sau:

“Điều 15a. Nguyên tắc quản lý đối với khoản viện trợ quốc tế để chuẩn

bị ứng phó thiên tai

1. Các khoản viện trợ quốc tế để chuẩn bị ứng phó thiên tai thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) không hoàn lại và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam.

2. Quy mô, thời gian, địa điểm của các hoạt động cụ thể và kế hoạch triển khai chưa cần xác định trong quá trình phê duyệt văn kiện dự án mà được xác định trên cơ sở thống nhất giữa bên viện trợ và bên tiếp nhận viện trợ khi cần thực hiện các hoạt động chuẩn bị ứng phó khi có các tình huống thiên tai xảy ra.”

12. Sửa đổi khoản 2 Điều 18 như sau:

“2. Trường hợp có các khoản viện trợ không hoàn lại ***để chuẩn bị ứng phó, cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai*** chưa ***được*** tổng hợp trong dự toán được cấp có thẩm quyền phân bổ và giao kế hoạch, Bên tiếp nhận viện trợ lập dự toán bổ sung theo quy định pháp luật ngân sách nhà nước hoặc đưa vào dự toán năm sau để làm cơ sở hạch toán ghi thu/ghi chi ngân sách nhà nước.”

13. Điều chỉnh điểm a khoản 2 Điều 19 như sau:

“a) Căn cứ vào hồ sơ chứng từ liên quan, thực tế giao nhận hàng, Bên ***quản lý, sử dụng*** viện trợ lập thủ tục gửi Kho bạc Nhà nước để ghi thu ghi chi ngân sách nhà nước;”

14. Bổ sung Điều 20a như sau:

“Điều 20a. Về kiểm tra nhà nước, kiểm định chuyên ngành áp dụng đối với hàng viện trợ nhập khẩu

Hàng hóa viện trợ khẩn cấp nhập khẩu phục vụ cứu trợ, khắc phục hậu quả thiên tai được miễn kiểm tra nhà nước, kiểm tra chuyên ngành; ngoại trừ các loại hàng hóa thuộc danh mục kiểm soát đặc biệt do Thủ trưởng các Bộ chuyên ngành quản lý.”

15. Sửa đổi điểm c, điểm d khoản 2 Điều 27 như sau:

“c) Cơ quan chủ quản: Báo cáo ***Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Tài chính*** về nội dung tiếp nhận viện trợ trong thời gian tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày quyết định tiếp nhận và phân bổ viện trợ được phê duyệt;

d) ***Bộ Nông nghiệp và Môi trường*** có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình tiếp nhận, thực hiện các khoản viện trợ khẩn cấp do thiên tai khi có yêu cầu.”

16. Thay thế, bãi bỏ một số quy định như sau:

a) Thay cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” thành cụm từ ***“Bộ Nông nghiệp và Môi trường”*** tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 8; khoản 1 Điều 30; điểm đ khoản 1 Điều 30.

b) Bãi bỏ ***Điều 14***.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.
2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTgCP, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NN (2b).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính

Phụ lục

**ĐƠN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG ỨNG PHÓ VÀ KHẮC PHỤC HẬU QUẢ THIÊN TAI
TẠI VIỆT NAM**

(Kèm theo Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm của Chính phủ)

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ
HOẠT ĐỘNG ỨNG PHÓ KHẮC PHỤC
HẬU QUẢ THIÊN TAI**

Full name of agency/person

**ĐƠN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
ỨNG PHÓ VÀ KHẮC PHỤC HẬU QUẢ THIÊN TAI**

(Regist to do the disaster response and recovery activity in Viet Nam)

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường

To: Ministry of Agriculture and Environment

- Tên tổ chức, cá nhân:

Full name of Agency/person

- Phạm vi, lĩnh vực hoạt động (Đối với tổ chức):

Scope of work (Agency)

- Nghề nghiệp hiện tại (Đối với cá nhân):

Current Profession (Person)

- Địa chỉ:

Address

- Số điện thoại/Email:

Telephone/Email

- Mục đích của hoạt động:

Purpose of your activity

- Thời gian dự kiến thực hiện:

Intend time

- Các hoạt động cụ thể dự kiến thực hiện:

Expected Activities and Outcomes

- Địa bàn dự kiến hoạt động (ghi rõ tỉnh, thành phố, xã):

Expected Location (specify names)

(Tên đầy đủ của tổ chức/cá nhân) trong trạng thái hoàn toàn tỉnh táo, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện thực hiện việc đăng ký này; đồng thời cam kết các nội dung sau:

(Full name of the agency/person), being in a sound state of mind, fully capable of civil acts, and acting voluntarily, hereby makes this registration and undertakes the following commitments:

1. Tự nguyện tham gia các hoạt động ứng phó, cứu trợ, và khắc phục hậu quả thiên tai tại Việt Nam.

Voluntarily participate in disaster response, relief, and recovery activities in Viet Nam.

2. Tự chịu trách nhiệm về sức khỏe, an toàn, an ninh cá nhân trong toàn bộ thời gian tham gia các hoạt động ứng phó, cứu trợ, và khắc phục hậu quả thiên tai tại Việt Nam. Không yêu cầu bất kỳ cơ quan, tổ chức hay cá nhân nào chịu trách nhiệm trong trường hợp xảy ra rủi ro, tai nạn, hoặc thiệt hại về sức khỏe, tài sản trong quá trình tham gia hoạt động.

Take full responsibility for personal health, safety, security throughout the course of disaster response, relief, and recovery activities in Viet Nam. Shall not hold any organization, authority, or individual liable in case of accidents, risks, or damage to health or property during the participation in such activities.

3. Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật của Việt Nam, các quy định của địa phương nơi thực hiện hoạt động, cũng như sự hướng dẫn của cơ quan chức năng liên quan.

Comply fully with the laws and regulations of Viet Nam, the rules of the localities where activities are conducted, and all instructions from relevant authorities.

4. Chấp nhận việc Cơ quan có thẩm quyền có thể từ chối/trả hồ sơ mà không nêu rõ lý do bị từ chối/trả hồ sơ.

Accept the possibility of being denied or having the registration returned by the Authorized agency without specifying the reason.

5. Đảm bảo các thông tin cung cấp là đúng sự thật.

Ensure all the information provided is correct.

Ngày/Date/.../.../.....(DD/MM/YY)

XÁC NHẬN CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ

Signature

Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

For Authorized Agency

* Hồ sơ gửi kèm theo Đơn đăng ký này gồm:

Please attach the following documents to this Registration Form:

Bản sao giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân (không áp dụng với trường hợp là các cơ quan đại diện ngoại giao, các cơ quan thuộc chính phủ, liên chính phủ, chính quyền địa phương nước ngoài):

A copy of documents proving legal status (not applicable to diplomatic missions, governmental, intergovernmental agencies, or foreign local authorities):

- Đối với tổ chức: Bản sao giấy tờ hợp lệ chứng minh địa vị pháp lý của tổ chức.

For organizations: A copy of valid documents proving the organization's legal status.

- Đối với cá nhân: Bản sao hộ chiếu còn hiệu lực.

For individuals: A copy of a valid passport